

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **23/2017/DS-ST**

Ngày: 29/9/2017

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Ninh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Trọng Tính**

Ông Phạm Văn Khuyến

Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: **Ông Đỗ Văn Quyết** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2017/TLST - DS ngày 06/6/2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-DS ngày 22/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thế L – Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh B. (Theo Quyết định về việc ủy quyền, nghĩa vụ tổ tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Thanh, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch và Kinh doanh chi nhánh Ngân hàng N - Chi nhánh B. (Theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2017).

***Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1994
 Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1989
 Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước
 Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1992
 Địa chỉ: Kp A, P. B, thị xã C, tỉnh Bình Phước
 (Bà T, ông N, ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2017, bản tự khai lưu tại hồ sơ và lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 19/7/2016, Ngân hàng N - Chi nhánh B và ông Nguyễn Duy Q có ký Hợp đồng tín dụng số 5611-LAV-20161825 với nội dung:

- Ngân hàng N - Chi nhánh B cho ông Nguyễn Duy Q vay số tiền 400.000.000 đồng

+ Lãi suất: 7%/năm tại thời điểm ký hợp đồng, 03 tháng trả lãi một lần. Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, lãi suất cho vay được thay đổi theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

+ Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất đã thỏa thuận.

+ Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 19/7/2016.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 19/7/2016, giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B và vợ chồng ông Q, bà K đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Q.20150072 có nội dung: Ông Q và bà K thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 388m² tại thôn 1 (nay là thôn 2), xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 339238 vào sổ số 1684/CNQSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cũ (nay là huyện Phú Riềng) cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Duy Q.

Ngân hàng N - Chi nhánh B đã thực hiện việc giải ngân tiền cho ông Q và bà K theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký với số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Q và bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh B đã khởi kiện yêu cầu ông Q và bà K trả nợ trước hạn với tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/5/2017 là 436.050.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy Q đã trả cho ngân hàng số tiền lãi suất đến ngày 01/8/2017 là 29.477.778 đồng.

Do đó, tại phiên tòa Đại diện ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q và bà K phải

trả ngân hàng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/9/2017 là 7.311.111 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất là 407.311.111 đồng. Nếu ông Q và bà K không trả được hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số Y 339238 vào sổ số 1684/CNQSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện Phước Long cũ (nay là huyện Phú Riềng) cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Duy Q.

Tại Bản tự khai ngày 01/8/2017 của bị đơn ông Nguyễn Duy Q trình bày:

Do cần tiền làm ăn nên ngày 19/7/2015, vợ chồng ông Q đã vay Ngân hàng N - Chi nhánh B số tiền 400.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, vợ chồng ông Q đã thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích có diện tích 388m² tại thôn 1 (Nay là thôn 2), xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 339238 vào sổ số 1684/CNQSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện L cũ (nay là huyện P) cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Duy Q. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Q trực tiếp quản lý, ngoài ra không có ai khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy Q đã trả cho ngân hàng số tiền lãi suất đến ngày 01/8/2017 là 29.477.778 đồng.

Hiện nay vợ chồng ông Q còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử. Vợ chồng ông Q sẽ cố gắng thu xếp trả số tiền nợ trên cho ngân hàng, nếu không trả được thì ông đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đang thế chấp cho ngân hàng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà K vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án do đó Tòa án không lấy được lời khai của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Duy N, bà Nguyễn Thị T trình bày: Đối với thửa đất có diện tích 388 m² tọa lạc tại thôn 1, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 339238 vào sổ cấp GCN số 1684/CN QSDĐ do UBND huyện L cũ (Nay là huyện P) cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Duy Q, đây là tài sản riêng của bố mẹ chúng tôi, chúng tôi không có liên quan và cũng không có công sức đóng góp gì đến tài sản nói trên. Việc Ngân hàng khởi kiện bố mẹ chúng ra Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng giải quyết thì chúng tôi không có ý kiến gì.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 21, Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phước Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng N với bị đơn là ông Nguyễn Duy Q, có địa chỉ cư trú tại: Thôn 1 (nay là thôn 2), xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết là đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Duy N, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Duy Q, ông Nguyễn Duy N, bà Nguyễn Thị T.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số 5611-LAV-20161825 ngày 19/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh B và ông Nguyễn Duy Q, các bên thống nhất thỏa thuận trong hợp đồng: Ngân hàng N - Chi nhánh B đồng ý cho ông Nguyễn Duy Q vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 19/7/2016, nghĩa vụ của hợp đồng được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số Q.20150072; Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu bên vay không trả nợ khi đến hạn nếu các bên không có thỏa thuận khác. Như vậy, nội dung và hình thức Hợp đồng đã tuân thủ các Điều 121 và 122 Bộ luật dân sự năm 2005 khi giao kết nên xác định đây là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N - Chi nhánh B đã thực hiện đúng cam kết là giải ngân số tiền 400.000.000 đồng cho ông Q , bà K vay và ông Q , bà K đã nhận đủ số tiền này. Tuy nhiên, đến thời hạn trả lãi nhưng ông Q , bà K không trả, Ngân hàng đã thông báo cho ông Q , bà K nhiều lần về việc vi phạm thời gian đóng lãi suất nhưng ông Q , bà K vẫn không chịu lên ngân hàng đóng lãi nên ngân hàng đã khởi kiện vợ chồng ông Q , bà K tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy Q đã trả cho ngân hàng số tiền lãi suất đến ngày 01/8/2017 là 29.477.778 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa Đại diện ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q và bà K phải trả ngân hàng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/9/2017 là 7.311.111 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất là 407.311.111 đồng. Mặt khác, ông Nguyễn Duy Q xác nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh B số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi suất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi suất đối với bị đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Xét nội dung cũng như hình thức của hợp đồng thế chấp tài sản được các bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, tỉnh Bình Phước là hợp pháp. Do đó, đối với tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ vay tại hợp đồng thế chấp số: Q.2016.0072 ngày 19/7/2016 sẽ bị xử lý bằng hình thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật về về giao dịch bảo đảm trong trường hợp ông Q , bà K không trả được nợ hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng.

Ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất có diện tích 388m² và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Q.20150072 ngày 19/7/2016 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B và ông Nguyễn Duy Q , bà Nguyễn Thị Kim. Kết quả xem xét thẩm định thì tài sản trên không có tranh chấp với ai, tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà ở có diện tích 150m².

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định những tài sản thế chấp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), số tiền này Ngân hàng N - Chi nhánh B đã nộp. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Q , bà K có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Ngân hàng N – Chi nhánh B.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N - Chi nhánh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng. Ông Q , bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 157 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 21, Điều 90 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh B.

Buộc ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị K phải trả Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 là 407.311.111đ (Bốn trăm lẻ bảy triệu, ba trăm mười một nghìn, một trăm mười một đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 29/9/2017 là 7.311.111 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2017, ông Q và bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5611-LAV-20161825 ngày 19/7/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Q, bà K không trả hoặc không trả đủ số tiền trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản quyền sử dụng đất có diện tích 388m² tại thôn 1 (nay là thôn 2), xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 339238 vào sổ số 1684/CNQSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện L cũ (nay là huyện R) cấp ngày 23/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Duy Q và tài sản trên đất là căn nhà ở có diện tích 150m² để đảm bảo việc thu hồi nợ của Ngân hàng N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Ngân hàng N - Chi nhánh B không phải chịu. Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Kim phải hoàn trả lại số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N – Chi nhánh B.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị K phải liên đới chịu 22.924.444đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng N - Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí 10.700.000đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 025884 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Ninh